

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08-4-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len.

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị T** - Sinh năm 1998.

ĐKKH: Thôn PV, xã TV, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: K1, K2, K3, Hiroshima, Japan.

*** Bị Đơn:** Anh **Từ Minh C** - Sinh năm 1987.

ĐKKH: Thôn PV, xã TV, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Y, K, Hiroshima, Japan.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Từ Minh Huy** - Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn PV, xã TV, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh C, ông H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/12/2021; Nguyên đơn - chị Trần Thị T trình bày:** Chị và anh Từ Minh C kết hôn

trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 03/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quê được 2 năm sau đó cùng sang Nhật Bản làm ăn. Tuy nhiên, trước khi ra nước ngoài sinh sống một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, thu nhập kinh tế và nuôi dạy con chung. Khoảng tháng 6/2020 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Từ Minh C.

Chị và anh Từ Minh C có 01 con chung là Từ Hạo N, sinh ngày 25/12/2016. Hiện nay, con N đang sinh sống cùng với ông Từ Minh H (bố anh C). Ly hôn chị đồng ý để anh C chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị có quyền thăm nom con không ai được phép cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh C thỏa thuận, chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh C số tiền 200.000.000 đồng và thanh toán trong thời hạn 10 tháng kể từ khi ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ chung chị và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên chị không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/12/2021; Bị đơn - anh Từ Minh C trình bày:* Anh và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 03/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quê được 2 năm và sau đó cùng sang Nhật Bản làm ăn. Tuy nhiên, trước khi ra nước ngoài sinh sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, thu nhập kinh tế và nuôi dạy con chung. Khoảng tháng 6/2020, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị Trần Thị T có 01 con chung là Từ Hạo N, sinh ngày 25/12/2016. Hiện nay con N đang sinh sống cùng bố mẹ anh. Ly hôn anh và chị Thủy thỏa thuận, anh là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T có quyền thăm nom con và không ai được phép cản trở. Anh đồng ý việc chị T cấp dưỡng tiền nuôi con 200.000.000 đồng và thanh toán trong thời hạn 10 tháng kể từ khi ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ chung: anh và chị Thủy tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang lao động làm ăn ở nước ngoài, anh không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* *Tại Đơn trình bày đề ngày 10/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Từ Minh Huy (bố anh Từ Minh C) trình bày:* Chị Thuỷ và anh C chung sống không được hoà thuận, hạnh phúc nay chị T xin ly hôn, anh C đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C, chị Thuỷ được ly hôn. Anh C và chị T có 01 con chung là cháu Từ Hạo N, sinh ngày 25/12/2016. Hiện cháu N đang do vợ chồng ông nuôi dưỡng. Ly hôn chị T, anh C thỏa thuận, anh C nuôi con Từ Hạo N, chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh C 200.000.000 đồng và thanh toán trong thời hạn 10 tháng kể từ khi ly hôn, anh C đồng ý. Đề nghị toà án chấp thuận thỏa thuận của anh C, chị T. Hiện nay, anh C đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không thể trực tiếp nuôi cháu N được. Anh C ủy quyền cho ông nuôi giúp cháu N trong thời gian anh C lao động làm ăn ở nước ngoài ông đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi cháu N ông và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh C và chị T nhận các văn bản, tài liệu của Tòa án để gửi sang Nhật Bản cho anh C, chị T.

Vì dịch bệnh Covid 19 và lý do công việc ông có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Chị Trần Thị T, anh Từ Minh C và ông Từ Minh H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Từ Minh C và chị Trần Thị T kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 03/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 cùng sang Nhật Bản làm ăn. Quá trình làm ăn sinh sống ở nước ngoài vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thu nhập kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung. Tháng 6/2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng hai bên sống ly thân, tự lo liệu cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh C đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Từ Minh C là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Từ Minh C có 01 con chung là Từ Hạo N, sinh ngày 25/12/2016. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với gia đình

ông Từ Minh Huy (bố anh C). Ly hôn anh C, chị T thỏa thuận anh C nuôi con chung, chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh C đến khi cháu N tròn 18 tuổi với số tiền 200.000.000 đồng và thanh toán tiền trong thời hạn 10 tháng kể từ khi ly hôn. Do anh C đang ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi con được, anh C nhờ bố đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi anh C về Việt Nam, các đương sự đều đồng ý. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Từ Minh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Từ Minh C.

2. Về quan hệ con chung: Anh Từ Minh C nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Từ Hạo N, sinh ngày 25/12/2016. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh C đến khi cháu N tròn 18 tuổi một lần với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và thanh toán trong thời hạn 10 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị T nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005299 ngày 03/03/2022 (do anh Nguyễn Lâm Phú nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị Thuỷ còn phải thi hành 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trần Thị T, anh Từ Minh C, ông Từ Minh H. Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, ông H

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TV. h. HH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Phương Thảo

